



SỐ PKQ:
02098/2026/PKQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Kí hiệu mẫu:
26.0806.NC1

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP
THÀNH THÀNH CÔNG

Ngày lấy mẫu : 06/03/2026

Địa chỉ : Kp. An Hội, P.Trảng Bàng, T.Tây Ninh

Loại mẫu : Nước sạch

Vị trí lấy mẫu : 26.0806.NC1: "Tại Nhà máy cấp nước
X:1219621; Y:589810"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
				26.0806.NC1	
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,72	6,0 - 8,5
2	Mùi vị ^(a)	-	TCVN 2653:1978	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	KPH (LOD=0,03)	1
4	Chỉ số Pemanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (LOD=0,25)	2
5	Clo dư ^(a)	mg /L	TCVN 6225-2:2012	0,63	0,2 - 1,0
6	E.coli ^(a)	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD=1)	<1
7	Coliform ^(a)	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD=1)	< 1
8	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
9	Độ đục ^(d)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,75	2
10	Độ màu ^(d)	TCU	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=3)	15

Ghi chú:

- (a)- Thông số được công nhận phù hợp theo ISO 17025:2017, số hiệu VLAT 1.0745;
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; số hiệu VILAS 1399;
- QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



Số PKQ: 02099/2026/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 26.0806.NC2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP
THÀNH THÀNH CÔNG

Ngày lấy mẫu : 06/03/2026

Địa chỉ : Kp. An Hội, P.Trảng Bàng, T.Tây Ninh

Loại mẫu : Nước sạch

Vị trí lấy mẫu : 26.0806.NC2: "Nước cấp giữa mạng lưới
X:1220470; Y:588726"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
				26.0806.NC2	
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,62	6,0 - 8,5
2	Mùi vị ^(a)	-	TCVN 2653:1978	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	KPH (LOD=0,03)	1
4	Chỉ số Pemanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (LOD=0,25)	2
5	Clo dư ^(a)	mg /L	TCVN 6225-2:2012	0,5	0,2 – 1,0
6	E.coli ^(a)	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD=1)	< 1
7	Coliform ^(a)	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD=1)	< 1
8	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
9	Độ đục ^(d)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,90	2
10	Độ màu ^(d)	TCU	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=3)	15

Ghi chú:

- (a)- Thông số được công nhận phù hợp theo ISO 17025:2017, số hiệu VLAT 1.0745;
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; số hiệu VILAS 1399;
- QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



Số PKQ: 02030/2026/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 26.0806.NC3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng :	CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH THÀNH CÔNG	Ngày lấy mẫu :	06/03/2026
Địa chỉ :	Kp. An Hội, P.Trảng Bàng, T.Tây Ninh	Loại mẫu :	Nước sạch
Vị trí lấy mẫu :	26.0806.NC3: Nước cấp cuối mạng lưới X:1220679; Y:588430		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
				26.0806.NC3	
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,26	6,0 - 8,5
2	Mùi vị ^(a)	-	TCVN 2653:1978	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ
3	Amoni (NH ₄ ⁺) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	KPH (LOD=0,03)	1
4	Chỉ số Pemanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (LOD=0,25)	2
5	Clo dư ^(a)	mg /L	TCVN 6225-2:2012	0,46	0,2 – 1,0
6	E.coli ^(a)	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD=1)	< 1
7	Coliform ^(a)	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD=1)	< 1
8	Asen (As) ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
9	Độ đục ^(d)	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,98	2
10	Độ màu ^(d)	TCU	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=3)	15

Ghi chú:

1. (a)- Thông số được công nhận phù hợp theo ISO 17025:2017, số hiệu VLAT 1.0745;
2. (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; số hiệu VILAS 1399;
3. QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
4. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
6. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
7. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
8. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiên